

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án thí điểm Nuôi dưỡng đối tượng người cao tuổi,
người khuyết tật tự nguyện tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

*Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính
phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính
phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ
giúp xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định
mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số
117/TTr-SLĐTBXH ngày 10 tháng 5 năm 2021 và của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết
quả thẩm định số 94/BC-STP ngày 05 tháng 5 năm 2021 (kèm theo ý kiến của các
Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Xây dựng).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án thí điểm Nuôi dưỡng đối
tượng người cao tuổi, người khuyết tật tự nguyện tại Trung tâm Công tác xã hội và
Bảo trợ xã hội.

Thời điểm triển khai thí điểm từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 12 năm 2025.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án thí điểm theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Y tế, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVPVX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

ĐỀ ÁN

**Thí điểm Nuôi dưỡng đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật
tự nguyện tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;

Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội;

Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội;

Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Công văn số 3030/LĐTBXH-KHTC ngày 30 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2019-2021 đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tỉnh Bình Định thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 6.025km². Toàn tỉnh có 08 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố, có 159 xã, phường, thị trấn, với 03 dân tộc chủ yếu là Bana, Chăm, Hrê. Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở của tỉnh Bình Định năm 2019 dân số toàn tỉnh là 1.486.918 người; trong đó, nam 732.087 người, chiếm 49,23%; nữ 754.831 người, chiếm 50,77% , người cao tuổi là 210.809, chiếm tỷ lệ 14,2%. Tỷ lệ người cao tuổi từ 10,8% (năm 2009) lên 14,2% (năm 2019), tăng 3,4%, trong khi đó, người cao tuổi cả nước từ 8,9% (năm 2009) lên 11,9% (năm 2019), tăng 3%. Như vậy, tốc độ già hóa dân số ở tỉnh Bình Định xảy ra nhanh hơn cả nước.

Theo kết quả rà soát, thu thập, cập nhật thông tin người khuyết tật, nạn nhân bom mìn năm 2019 trên địa bàn tỉnh có 43.729 người khuyết tật, chia theo các dạng tật thì khuyết tật vận động 25.104 người, khuyết tật nghe và nói 3.093 người, khuyết tật nhìn 3.709 người, khuyết tật thần kinh 4.688 người, khuyết tật trí tuệ 3.365 người, khuyết tật dạng khuyết tật khác 3.770 người; chia theo mức độ khuyết tật có 6.731 người khuyết tật đặc biệt nặng, 31.391 người khuyết tật nặng và 5.607 người khuyết tật nhẹ.

Thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, năm 2020 toàn tỉnh đã thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cho 90.523 đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, trong đó người cao tuổi là 37.063 người, người khuyết tật là 42.202 người.

Toàn tỉnh hiện có 03 cơ sở bảo trợ xã hội công lập, cụ thể: Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn, Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội, Trung tâm Chăm sóc và điều dưỡng người có công thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, các đơn vị đang nuôi dưỡng, chăm sóc 633 đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó 39 đối tượng bảo trợ xã hội là người cao tuổi, 569 đối tượng là người khuyết tật. Hiện tại các cơ sở bảo trợ xã hội chỉ nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của nhà nước, chưa thực hiện mở rộng đối tượng.

Tỉnh Bình Định đang đứng trước nguy cơ già hóa dân số, cùng với quá trình già hoá người cao tuổi gặp nhiều vấn đề về sức khỏe (khuyết tật, suy giảm chức năng vận động...), tỷ lệ người khuyết tật do các bệnh không lây nhiễm tăng lên, đặc biệt là nhóm người cao tuổi. Chăm sóc người cao tuổi vẫn là trách nhiệm chính của gia đình, trong khi đó quy mô gia đình thay đổi (số con ít, con cái đi làm ăn xa, bận rộn, số người cao tuổi sống một mình, với vợ/chồng, trong gia đình khuyết thể hệ tăng nhanh) vấn đề này làm tăng chi phí cơ hội của người chăm sóc trong gia đình, đảm bảo chất lượng chăm sóc là những thách thức cần quan tâm.

Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội thành lập năm 1992, bên cạnh việc tiếp nhận, chăm sóc dài hạn cho các đối tượng trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật trung tâm còn thực hiện cung cấp các dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng với những kinh nghiệm, kỹ năng tích lũy được trong công tác chăm sóc đối tượng, cũng như học tập từ các đơn vị, cơ sở bạn trên cả nước, Trung tâm không ngừng hoàn thiện và nâng cao công tác chăm sóc, phục vụ đối tượng bảo trợ xã hội ngày một tốt hơn.

Trên cơ sở các đánh giá, khảo sát số liệu về người cao tuổi, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh cũng như nhu cầu cần trợ giúp thực tế của các đối tượng tại địa phương và khả năng, năng lực chăm sóc phục vụ đối tượng của Trung tâm trong thời gian qua, tỉnh Bình Định nhận thấy việc ban hành Đề án thí điểm nuôi dưỡng đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật tự nguyện là thật sự cần thiết, góp phần vào việc thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật về người cao tuổi, người khuyết tật.

Phần II

TỔNG QUAN VỀ TRUNG TÂM

I. CHỨC NĂNG

Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội thực hiện chức năng: Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng xã hội và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội (phòng ngừa, hỗ trợ, phục hồi và phát triển) cho cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

II. NHIỆM VỤ

Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

Cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực bảo trợ xã hội với người khuyết tật, người cao tuổi, người dễ bị tổn thương, người cần bảo vệ khẩn cấp;

Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực công tác xã hội: Chăm sóc và bảo vệ trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; trợ giúp gia đình và tư vấn, hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới;

Nhận dạng các vấn đề trong cộng đồng và hỗ trợ các hoạt động tìm nguồn lực giải quyết, cứu trợ thiên tai, hỏa hoạn khẩn cấp;

Phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức tập huấn về công tác xã hội cho đội ngũ nhân viên, công tác viên công tác xã hội; tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo cung cấp kiến thức, kỹ năng cho các nhóm đối tượng có nhu cầu;

Nâng cao nhận thức cộng đồng và cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội: Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, giáo dục xã hội, sản xuất các sản phẩm truyền thông; thực hiện công tác tư vấn, tham vấn cho đối tượng, nhóm đối tượng và cộng đồng dân cư;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định.

III. CƠ CẤU, TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Lãnh đạo Trung tâm:

Hiện tại 02 người: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc.

2. Các phòng nghiệp vụ

Phòng Hành chính - Tổng hợp: Có 12 cán bộ, trong đó: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 10 nhân viên.

Phòng Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng: Có 04 cán bộ, trong đó: 01 Trưởng phòng và 03 nhân viên.

Phòng Tư vấn và Trợ giúp đối tượng: Có 04 cán bộ, trong đó: 01 Phó Trưởng phòng, 03 nhân viên.

Phòng Quản lý, nuôi dưỡng, y tế, phục hồi chức năng: Có 12 cán bộ, trong đó: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 10 nhân viên.

Công tác cán bộ trong thời gian qua đã được kiện toàn, phần lớn số cán bộ công tác lâu năm đã được đào tạo lại hoặc tập huấn kỹ năng quản lý chăm sóc, trợ giúp đối tượng; số cán bộ mới đã được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về trợ giúp xã hội, các kỹ năng công tác xã hội; đội ngũ cán bộ y tế điều dưỡng và phục hồi chức năng được đào tạo chính quy đáp ứng yêu cầu của công tác phục vụ và chăm sóc các đối tượng.

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ đã dần hoàn chỉnh về công tác tổ chức.

3. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện làm việc

Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội tỉnh tọa lạc ngay trung tâm của thị xã An Nhơn, trên địa hình bằng phẳng, không gian yên tĩnh, đường giao thông thuận tiện cho việc đi lại và tham gia các hoạt động khác, Trung tâm cách Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn khoảng 2km, cách thành phố Quy Nhơn 20 km về hướng Bắc.

Dựa trên cơ sở 4 dãy nhà cấp 4 được xây dựng từ thời Pháp, 1 dãy nhà 3 tầng xây dựng từ thời Mỹ để lại. Từ ngày tiếp nhận, Trung tâm được Lãnh đạo tỉnh quan tâm, nhiều lần cho sửa chữa, nâng cấp các dãy nhà nói trên và xây dựng mới một số dãy nhà ở đối tượng, xây dựng tường rào cổng ngõ, vườn hoa, cây cảnh, ao cá lối đi khang trang sạch đẹp, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu về không gian nghỉ ngơi thư giãn cho đối tượng. Tổng diện tích đất của Trung tâm hiện nay là 13.481m², trong đó diện tích đất tự nhiên: 90m²/đối tượng (13.481m²: 150 đối tượng); diện tích phòng ở: 13,5m²/đối tượng (2.034m²: 150 đối tượng).

Hiện tại, trung tâm có 4 khu nhà ở, 1 khu nhà bếp, kho, nhà ăn tập thể, khu làm việc của cán bộ nhân viên, phòng dạy nghề, phòng đọc sách báo, phòng thể thao, hội trường, khu vui chơi giải trí, 2 phòng sơ cứu ban đầu và lưu bệnh nhân riêng cho người lớn và cho trẻ em, 01 phòng tập vật lý trị liệu phục hồi chức năng có đầy đủ dụng cụ, 01 khu tăng gia sản xuất và lao động trị liệu dành cho đối tượng, 01 khu nghĩa trang riêng dành cho đối tượng qua đời được quy hoạch khoa học, nằm trong nghĩa trang nhân dân phía Bắc thị xã An Nhơn, với diện tích khoảng 2000m², 01 xe ô tô 15 chỗ nhãn hiệu Toyota nhận bàn giao của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết tỉnh Bình Định từ năm 2014.

Toàn bộ các khu nhà của Trung tâm có cửa ra vào, cửa sổ cung cấp đủ ánh sáng và thông thoáng, trong phòng ở của đối tượng được trang bị giường, tủ, bàn ghế, bình ly uống nước, xô chậu giặt đồ, chổi, cây lau nhà, đèn chiếu sáng, quạt trần. Nhà vệ sinh, nhà tắm, bể cầu phù hợp theo từng nhóm đối tượng tiện cho việc sử dụng. Trung tâm lắp đặt hệ thống điện 3 pha, hệ thống cấp thoát nước, máy lọc nước sạch đảm bảo an toàn. Trang bị xe lăn, xe lắc, xe đẩy, nệm chống cho người khuyết tật, trẻ em khuyết tật có đồ dùng sinh hoạt riêng phù hợp cho việc tiếp cận.

Trung tâm bố trí tivi tại phòng hội trường để đáp ứng yêu cầu phục vụ đời sống văn hoá tinh thần cho đối tượng. Việc di chuyển qua lại giữa các khu trong Trung tâm được trang bị đảm bảo cho người cao tuổi, người khuyết tật tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP, Trung tâm có đủ điều kiện tiếp nhận chăm sóc 150 người. Tuy nhiên, hiện tại Trung tâm đang quản lý và nuôi dưỡng 100 đối tượng theo chỉ tiêu được giao. Do đó, Trung tâm bố trí riêng 01 dãy nhà ở có 05 phòng ở vệ sinh khép kín, diện tích mỗi phòng 26m² để phục vụ nuôi dưỡng đối tượng có nhu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN TIẾP NHẬN NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CAO TUỔI, NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỰ NGUYỆN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

- Từng bước hình thành mô hình cung cấp dịch vụ chăm sóc thay thế và đẩy mạnh xã hội hóa việc chăm sóc cho các đối tượng yếu thế.
- Đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đối tượng có nhu cầu vào sống ở cơ sở bảo trợ xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng và cung cấp dịch vụ cho 20 đối tượng.
- Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, cán bộ để phục vụ tốt nhất cho đối tượng dự định tiếp nhận.
- Từng bước nâng cao nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên tại Trung tâm trong công tác chăm sóc đối tượng.

3. Phạm vi, lộ trình thực hiện.

a) Phạm vi: Đối tượng là người cao tuổi, người khuyết tật không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bình Định, có nhu cầu sống tại cơ sở.

b) Lộ trình thực hiện: Bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2025.

II. QUY MÔ, ĐỐI TƯỢNG TIẾP NHẬN, THỦ TỤC HỒ SƠ

1. Quy mô

Căn cứ nhu cầu thực tế của đối tượng tự nguyện, cơ sở vật chất và năng lực đáp ứng của Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội để tiếp nhận số lượng đối tượng nuôi dưỡng phù hợp tại từng thời điểm, dự kiến thực hiện thí điểm tiếp nhận 20 đối tượng (10 đối tượng còn tự phục vụ và 10 đối tượng không có khả năng phục vụ), đảm bảo không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quản lý, chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện được nuôi dưỡng dài hạn tại Trung tâm. Sau 05

năm thực hiện thí điểm, Trung tâm sẽ tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, thực hiện chính thức.

2. Đối tượng tiếp nhận

Đối tượng tự nguyện: Người cao tuổi, người khuyết tật, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, có nhu cầu vào sống tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Trung tâm đảm bảo dự phòng 10% chỉ tiêu tiếp nhận đối tượng để ưu tiên tiếp nhận đối tượng chính sách khi có phát sinh.

Không tiếp nhận những đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đối tượng đang nợ án đối với cơ quan thi hành pháp luật, đối tượng tâm thần, đối tượng mắc các bệnh truyền nhiễm.

3. Thẩm quyền tiếp nhận và thủ tục hồ sơ

a) Thẩm quyền tiếp nhận: Giám đốc Trung tâm ký hợp đồng với đối tượng tự nguyện hoặc người thân, người nhận bảo trợ của đối tượng.

b) Thủ tục hồ sơ:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 40 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ, cụ thể: Đơn đề nghị được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội (của đối tượng hoặc người thân, người nhận bảo trợ); hợp đồng cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội và các giấy tờ liên quan như: Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổ chức, bộ máy nhân sự

a) Về tổ chức: Sử dụng tổ chức, bộ máy hiện có của Trung tâm.

b) Về nhân sự: Hợp đồng công việc với những lao động có nghiệp vụ, kỹ năng, kinh nghiệm để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tự nguyện. Trước mắt để phục vụ quy mô 20 đối tượng, dự kiến hợp đồng mới 06 lao động để đảm bảo chăm sóc đối tượng, gồm: 03 nhân viên chăm sóc trực tiếp, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên cấp dưỡng, 01 nhân viên vật lý trị liệu phục hồi chức năng.

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Sử dụng cơ sở vật chất hiện có của Trung tâm là một dãy nhà gồm có 05 phòng ở khép kín.

3. Giải pháp thực hiện

a) Truyền thông về đề án

- Nội dung:

+ Thông qua các hoạt động thông tin đại chúng như: Trang Web của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trang Web của Trung tâm Công tác xã hội và bảo trợ xã hội, báo, truyền hình, tờ rơi, khẩu hiệu... để người dân biết về Trung tâm và

kế hoạch nuôi dưỡng đối tượng tự nguyện tại Trung tâm. Tuyên truyền thông qua hệ thống các cán bộ nhân viên, người lao động và các tình nguyện viên của Trung tâm.

- + Thực hiện các buổi truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng về các đối tượng tự nguyện, thân nhân của đối tượng tự nguyện có nhu cầu biết, tìm hiểu về hình thức nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng tự nguyện tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- + Cơ quan thực hiện: Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

b) Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ

- Nội dung:

- + Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kiến thức về quản lý tài chính, quản lý nhà nước, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ phục vụ tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội tỉnh;

- + Kiện toàn tổ chức bộ máy hoạt động, vị trí việc làm, thuê mướn nhân công lao động.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- + Cơ quan thực hiện: Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan để cung cấp dịch vụ

- Nội dung:

- + Phối hợp, kết nối với các cơ quan đơn vị có liên quan để cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu hợp pháp, chính đáng của các đối tượng tự nguyện và thân nhân của các đối tượng tự nguyện để triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả;

- + Tăng cường phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện và triển khai Đề án có hiệu quả.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- + Cơ quan thực hiện: Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

d) Đầu tư cơ sở vật chất

- Nội dung:

- + Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất để từng bước nâng cao chất lượng phục vụ.

- + Vận động xã hội hóa để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu cho đối tượng tự nguyện.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Các sở: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế.

+ Cơ quan thực hiện: Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất

Sử dụng cơ sở vật chất có sẵn của Trung tâm để thực hiện việc nuôi dưỡng đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật tự nguyện tại Trung tâm.

2. Các khoản thu của đối tượng

a) Mức thu với từng đối tượng căn cứ vào tình trạng sức khỏe của đối tượng được xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, mức độ khuyết tật của đối tượng. Cụ thể như sau:

- Đối với đối tượng còn khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân, mức thu 4.370.000 đồng/người/tháng, gồm các chi phí sau:

+ Tiền ăn: 1.080.000 đồng/người/tháng, bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định hiện hành của tỉnh tại từng thời điểm.

+ Chi phí khác: 510.000 đồng/người/tháng gồm: Tiền điện, nước, thể thao văn hóa, thuốc chữa bệnh thông thường, xà phòng, kem đánh răng, quần áo, giày dép... bằng mức quy định của tỉnh đối với đối tượng nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội theo từng thời điểm.

+ Tiền công chăm sóc: 2.500.000 đồng/người/tháng.

+ Khấu hao tài sản cố định: 280.000 đồng/người/tháng.

- Đối với đối tượng không còn khả năng tự phục vụ, mức thu 5.370.000 đồng/người/tháng, gồm các chi phí sau:

+ Toàn bộ chi phí cá nhân như tiền ăn, các khoản chi phí khác, khấu hao tài sản, chi phí quản lý, thêm giờ đóng góp như đối tượng còn khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân.

+ Tiền công chăm sóc: 3.500.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với những trường hợp đặc biệt, ngoài quy định trên, nếu các đối tượng tự nguyện hoặc người đại diện, giám hộ của đối tượng có nhu cầu chăm sóc với điều kiện kinh tế cao hơn (chăm sóc theo yêu cầu cụ thể), phải thỏa thuận bằng văn bản hợp đồng giữa Trung tâm và đối tượng tự nguyện hoặc người thân, người bảo trợ cho đối tượng. *(Nhưng không vượt mức 20% so với mức tiền đã quy định).*

3. Các khoản chi cho hoạt động

a) Chi phí tiền lương cho bộ phận phục vụ: 6.746.700 đồng/người/tháng.

b) Chi tiền ăn cho đối tượng: 1.080.000 đồng/người/tháng.

c) Chi phí khác (đồ dùng sinh hoạt, điện, nước, khám bệnh, chi khác...): 510.000 đồng/người/tháng.

d) Chi phí khấu hao tài sản cố định: 280.000 đồng/người/tháng.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đánh giá về mặt kinh tế

Đề án không vì mục đích lợi nhuận mà là mở rộng phạm vi đối tượng thụ hưởng, đa dạng hóa hình thức cung cấp dịch vụ ở các cơ sở từng bước góp phần chuyển đổi mô hình cơ sở bảo trợ xã hội sang mô hình mới gắn với cộng đồng, phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, nếu đề án hoạt động có hiệu quả cũng góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước từ nghĩa vụ nộp thuế và cán bộ nhân viên của Trung tâm có thêm việc làm, tăng thu nhập.

Với số đối tượng dự kiến tiếp nhận là 20 người, doanh thu dự kiến trong 01 năm là 1.168.800.000 đồng, trong đó: Thu đối tượng còn phục vụ được là 524.400.000 đồng, thu đối tượng không còn phục vụ được là 644.400.000 đồng. Chi phí dự kiến chi trong 01 năm là: 934.562.400 đồng, trong đó: Chi tiền ăn cho đối tượng 259.200.000 đồng, chi khác cho đối tượng 122.400.000 đồng, chi khấu hao tài sản 67.200.000 đồng, chi tiền lương 485.762.400 đồng. Kinh phí dự kiến chênh lệch giữa thu với chi trong 01 năm là 234.237.600 đồng. Kinh phí dự kiến trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (20%) là 46.847.520 đồng, trích cải cách tiền lương (40%) là 93.695.040 đồng, trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (25%) là 58.559.400 đồng, trích quỹ phúc lợi (15%) là 35.135.640 đồng.

2. Đánh giá hiệu quả về mặt xã hội

Nhiệm vụ chăm sóc ông bà, cha, mẹ, con cái là trách nhiệm của các thành viên trong gia đình, tuy nhiên trong điều kiện cấu trúc gia đình thay đổi (sinh ít con), nhiều gia đình con cái đi làm ăn xa, ít có thời gian chăm sóc cho người cao tuổi, người khuyết tật. Việc gửi người thân của mình vào trung tâm để được chăm sóc trong thời gian đi xa sẽ tạo điều kiện cho con cái, cha mẹ an tâm công tác, bản thân người cao tuổi, người khuyết tật được tự do lựa chọn cuộc sống theo sở thích của cá nhân, được chăm sóc sức khỏe, động viên tinh thần, hỗ trợ tham gia vào các hoạt động cộng đồng mang ý nghĩa thiết thực.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị, tổ chức, cá nhân nào thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, cung cấp dịch vụ trợ giúp cho các đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật không thuộc đối tượng chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội. Việc thực hiện Đề án tự nguyện tại Trung tâm là một nhiệm vụ có ý nghĩa xã hội thiết thực và mang tính nhân văn sâu sắc, góp phần thực hiện tốt Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là đơn vị chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai hoạt động của Đề án nuôi dưỡng đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật tự nguyện tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án; định kỳ tổ chức sơ kết, đề xuất các giải pháp, báo cáo kết quả hoạt động với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội trực tiếp thực hiện các hoạt động của Đề án, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tổ chức đánh giá hiệu quả thực hiện Đề án sau khi kết thúc thời gian thực hiện thí điểm, tham mưu đề xuất UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh về nguồn kinh phí, mức thu, chi theo quy định.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Đề án nuôi dưỡng đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật tự nguyện tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn có liên quan, các xã, phường, thị trấn rà soát lại đối tượng của Đề án để tuyên truyền vận động tham gia các hoạt động tại cơ sở.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để được hướng dẫn kịp thời./.